

Bản án số: 46/2018/HS-ST
Ngày 08-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Quýt

Bà Lê Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 16/2018/TLST – HS, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST – HS ngày 26 tháng 01 đối với bị cáo:

Lê Văn Q, sinh năm 1977 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Lê V và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Phạm Thị H và có 01 con (sinh năm 2003); tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/08/2015 đến ngày 05/01/2016 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm khỏi nơi cư trú, và bị bắt tạm giam lại từ ngày 10/6/2016 đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn Khánh – Luật sư, Văn phòng Luật sư Ngọc Khánh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận; có mặt.

- Bị hại:

1/ Anh Lý Công H - Sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn C, xã L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2/ Anh Lý Công T - Sinh năm 1984; nơi cư trú: Thị trấn V, huyện K, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Phạm Thị H, nơi cư trú: Thôn V, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Đình Q – sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Chỗ ở hiện nay: thôn M, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt.

2. Anh Lê Văn T – Sinh năm 1975; nơi cư trú: thôn K, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; có mặt.

3. Anh Nguyễn Thanh Đ – Sinh năm 1982; nơi cư trú: Xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01/2004, anh Lý Công H có thuê lại trại tôm của anh Lê Văn T ở thôn V, xã L, thành phố Nha Trang để nuôi tôm giống. Do làm ăn thua lỗ nên anh H có gọi điện cho anh T hẹn đến trại tôm để bàn việc trả lại trại tôm. Khoảng 07 giờ 30 ngày 10/5/2004, anh T đến trại tôm thì gặp anh H, anh H xin thiếu nợ 1.600.000 đồng nhưng anh T không cho và yêu cầu để lại chiếc xe máy hiệu Wave tại trại tôm khi nào trả được nợ thì anh T sẽ trả xe. Anh H không đồng ý thì hai bên xảy ra to tiếng, Lê Văn Q là em ruột của anh Lê Văn T đang uống cà phê gần đó, thấy ồn ào liền chạy về trại tôm thì gặp anh H. Q dùng cây gỗ đánh vào đầu anh H, anh H bỏ chạy ra khỏi trại tôm thì gặp anh Nguyễn Thanh Đ (là người nuôi tôm cho H) đang đi xe đạp, anh H nhờ anh Đ chở ra tới đường Quốc lộ 1A thì gặp anh Lý Công T (em ruột anh H) và anh Ngô Đình Q. Anh H kể lại sự việc bị Q đánh cho anh T, anh Q, anh Đ nghe và nhờ cả ba đi vào trại tôm lấy xe máy để đi khâu vết thương. Khi đến trại tôm anh Q và anh Đ đứng ngoài, còn anh T đi vào trại tôm lấy xe. Khi anh T tới gần xe máy thì bị Q dùng cây gỗ đánh vào đầu, anh T bỏ chạy thì bị Q đuổi theo dùng dao Thái Lan đâm một nhát vào bụng. Anh Ngô Đình Q thấy anh T bị đâm liền chạy vào xô Q ra, thì bị Q dùng dao Thái Lan đâm một nhát

vào cánh tay trái, 01 nhát vào cổ tay trái, Sau đó, Q bỏ chạy lên núi, còn anh T, anh Q được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện tỉnh Khánh Hòa.

Tại bản giám định y pháp số 168-Th.T/2004/GDPY ngày 07/06/2004 của tổ chức giám định pháp y Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa kết luận: Nạn nhân Lý Công T bị đa vết thương vùng đầu và vùng bụng. *Tỷ lệ thương tật toàn bộ là 52% xếp hạng thương tật vĩnh viễn.*

Tại bản giám định y pháp số 171-Th.T/2004/GDPY ngày 07/06/2004 của tổ chức giám định pháp y Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa kết luận: Nạn nhân Lý Công H bị sang chấn vùng đầu, hiện tại để lại 01 vết sẹo, sẹo liền. *Tỷ lệ thương tật là 04% xếp hạng thương tật vĩnh viễn.*

Ngày 31/5/2004 cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Nha Trang đã quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ thương tích đối với anh Ngô Đình Q. Tuy nhiên, anh Q đã không thực hiện và không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Tại bản cáo trạng số 242/CT -VKS ngày 16/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã truy tố bị cáo Lê Văn Q tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại khoản 3 Điều 104 (viện dẫn điểm a, c khoản 1 Điều 104) Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang rút một phần Cáo trạng 242/CT -VKS ngày 16/10/2017. Theo đó, rút truy tố điểm c khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự 1999 đối với bị cáo. Các nội dung khác giữ nguyên như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự 1999 (viện dẫn điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự 1999); dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự 1999, đồng thời áp dụng các tình tiết có lợi theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015 và tuyên phạt bị cáo từ 06 năm đến 07 năm tù về tội Cố ý gây thương tích. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh Lý Công T 70.000.000 đồng và bồi thường cho anh Lý Công H 25.000.000 đồng. Xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về làm lại cuộc đời.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa trong phần tranh luận đã: Xác định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang truy tố bị cáo là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc các tình tiết như người bị hại cũng có lỗi, thành khẩn khai báo, bị cáo là người không biết chữ, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, gia đình có công với cách mạng, đã tự nguyện thỏa thuận việc bồi thường thiệt hại.

Do vậy, đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm b, p và khoản 1, khoản 2 Điều 46 và áp dụng thêm Điều 47 của Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt. Bị cáo đồng ý với phần tranh luận của vị Luật sư và không tranh luận gì thêm.

Người bị hại anh Lý Công H và Lý Công T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên các nội dung đã trình bày trước đây cũng như tại phiên tòa ngày 08/01/2018.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày tại phiên tòa, bà tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng để bồi thường cho người bị hại, bà không yêu cầu bị cáo phải thanh toán lại số tiền bà đã nộp để bồi thường cho người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người bị hại anh Lý Công H, anh Lý Công T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Một số người làm chứng đã được triệu tập nhưng vắng mặt. Xét thấy, người bị hại và một số người làm chứng vắng mặt nhưng tài liệu trong hồ sơ đã có các lời khai của họ. Do vậy, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận vào khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 10/5/2004 tại trại nuôi tôm của Lê Văn T thuộc thôn V, xã L, thành phố Nha Trang, bị cáo đã dùng cây gỗ đánh anh Lý Công H 01 phát vào đầu, gây thương tích tỷ lệ tổn thương cơ thể là 04% xếp hạng thương tật vĩnh viễn. Sau đó, bị cáo tiếp tục dùng cây gỗ đánh vào đầu và dùng dao đâm 01 nhát vào vùng bụng của anh Lý Công T gây thương tích tỷ lệ 52% xếp hạng thương tật vĩnh viễn. Ngoài ra, bị cáo còn gây thương tích cho anh Ngô Đình Q. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với lời khai những người bị hại, người làm chứng, biên bản giám định pháp y, cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang truy tố bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự 1999 (viện dẫn điểm a khoản 1 Điều 104) là có căn cứ, đúng tội danh.

[2.2] Về tình tiết dùng hung khí nguy hiểm được Cáo trạng dẫn chiếu tại điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thấy như sau: Quá trình thực hiện tội phạm bị cáo đã dùng dao, gây đây là những hung khí nguy hiểm dễ tấn công những người bị hại, nên thuộc trường hợp là dùng “hung khí nguy hiểm” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự 1999. Tình tiết này cũng đã được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015. Do đó, cáo trạng truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Về tình tiết gây thương tích cho nhiều người viện dẫn theo điểm c khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự 1999. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đã rút truy tố đối với điểm này. Hội đồng xét xử nhận thấy việc rút quyết định truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4] Về áp dụng điểm, khoản, điều luật đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại thời điểm xét xử vụ án, Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 đã có hiệu lực pháp luật. So sánh khung hình phạt giữa khoản 3 Điều 104 (viện dẫn điểm a khoản 1 Điều 104) của Bộ luật hình sự năm 1999 với điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015 thì mức hình phạt tối đa quy định tại khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015 là nhẹ hơn so với khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự 1999, là tình tiết có lợi cho bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015 đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

[2.5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của những người bị hại được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Trong một thời gian ngắn bị cáo gây thương tích cho anh Lý Công H với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 4% và anh Lý Công T với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 52%, nên bị cáo bị áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự 1999. Hành vi phạm tội của bị cáo gây hoang mang, lo lắng cho quần chúng nhân dân, cũng như gây mất trật tự, trị an địa phương; sau khi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho quá trình điều tra, nên cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có công với cách mạng; bị cáo phạm tội lần đầu; sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình nộp 10.000.000 đồng để bồi thường cho những người bị hại, mỗi người 5.000.000 đồng tại cơ quan thi hành án dân sự thành phố N (BL 209). Ngoài ra, tại phiên tòa ngày 08/01/2018 những người bị hại cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay (08/02/2018) những người bị hại có đơn đề nghị vắng mặt và cũng không có thay

đổi gì đối với yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Như vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999. Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình và cộng đồng.

Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 48 và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999 đối với bị cáo, cũng như chấp nhận đề nghị của Luật sư áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999 cho bị cáo.

[2.6] Đối với trường hợp luật sư bào chữa cho đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ *“phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc của người khác gây ra”* quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo không có mâu thuẫn gì với những người bị hại, những người bị hại cũng không có hành vi trái pháp luật đối với bị cáo, bị cáo chủ động tấn công những người bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Luật sư về áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999 là chưa đủ cơ sở, nên không chấp nhận.

[2.7] Về trường hợp luật sư đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự 1999 xem xét xử dưới khung hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ hình phạt tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, nhưng có một tình tiết tăng nặng hình phạt khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, nên không thỏa mãn áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[3] Về một số nội dung khác:

[3.1] Về hành vi của anh Lê Văn T có đồng phạm với bị cáo Lê Văn Q hay không: Về vấn đề này, sau khi bản án sơ thẩm 08/2017/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa hủy để điều tra lại. Kết quả điều tra lại, đối chiếu với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như qua kết quả xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa ngày 08/01/2018 cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận thấy không có đủ cơ sở để kết luận anh Lê Văn T có bàn bạc với bị cáo Lê Văn Q trong việc gây thương tích cho những người bị hại. Lời khai của những người bị hại tại phiên tòa ngày 08/01/2018 cũng khẳng định người gây thương tích cho họ là bị cáo Lê Văn Q. Do vậy, Viện kiểm sát không truy tố anh Lê Văn T đồng phạm với bị cáo Lê Văn Q là có cơ sở.

[3.2] Về việc việc giữ chiếc xe máy của anh Lý Công H có dấu hiệu của tội phạm hay không?. Tại phiên tòa ngày 09/01/2018 Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để làm rõ một số vấn đề. Tuy nhiên, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng và không điều tra thêm những nội dung Tòa án đã trả hồ sơ.

Trong phạm vi thẩm quyền xét xử, đối chiếu với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ cũng như qua phần tranh luận, đối chất tại phiên tòa ngày 08/01/2018 giữa những người bị hại và bị cáo, anh Lê Văn T. Tại phiên tòa hôm nay (08/02/2018) bị cáo Q và anh Lê Văn T đều khẳng định không giữ xe máy của anh Lý Công H, bị cáo và anh T cũng không có mục đích chiếm đoạt xe máy của anh H. Hội đồng xét xử nhận thấy, ngoài các lời khai của những người bị hại ra, thì không có người làm chứng nào khác nghe, nhìn thấy, chứng kiến sự việc sử dụng vũ lực của bị cáo Lê Văn Q và anh Lê Văn T để thu giữ xe của anh Lý Công H. Do vậy, chưa có đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Văn Q và anh Lê Văn T trong việc giữ chiếc xe máy của anh Lý Công H. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát tiếp tục điều tra về vấn đề để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa ngày 08/01/2018, những người bị hại yêu cầu như sau: Anh Lý Công T yêu cầu bồi thường 80.000.000 đồng. Anh Lý Công H yêu cầu bồi thường 25.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay (08/02/2018) những người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các yêu cầu trước đây về phần dân sự. Tại phiên tòa bị cáo chấp nhận các mức bồi thường theo yêu cầu của người bị hại, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo. Do bị cáo đã tác động gia đình nộp 10.000.000 đồng cho những người bị hại (mỗi người bị hại 5.000.000 đồng) tại cơ quan thi hành án dân sự thành phố N. Do đó, bị cáo còn phải bồi tiếp cho anh Lý Công H là 20.000.000 đồng và anh Lý Công T là 75.000.000 đồng.

Đối với bồi thường tổn thất về tinh thần, tại phiên tòa ngày 08/01/2018, Hội đồng xét xử đã giải thích quyền yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần cho những người bị hại. Tuy nhiên, những người bị hại không yêu cầu bồi thường, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị H. Bà H là người đã nộp số tiền 10.000.000 đồng tại cơ quan thi hành án dân sự thành phố N để bồi thường cho những người bị hại. Tại phiên tòa, bà H không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho bà số tiền đã nộp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng: Tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận vật chứng là 01 con dao và 01 cây gỗ tròn mà Hội đồng xét xử trích xuất đến phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy, các vật chứng được trích xuất đến phiên tòa được cơ quan điều tra thu giữ khi điều tra vụ án. Mặc dù theo bị cáo các vật chứng này không phải là vật chứng bị cáo sử dụng để phạm tội, tuy nhiên bị cáo thừa nhận hành vi dùng cây gỗ và dùng dao gây thương tích cho những người bị hại, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, dù vật chứng được trích xuất đến phiên tòa không phải là vật chứng bị cáo gây án, cũng không ảnh hưởng đến việc định tội danh đối với bị cáo. Các vật chứng này cũng không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Q **05** (năm) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 10/6/2016. Bị cáo được trừ vào thời hạn đã tạm giam bị cáo là từ ngày 07/08/2015 đến ngày 05/01/2016.

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo bồi thường cho anh Lý Công H là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), bồi thường cho anh Lý Công T là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Quy định: Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về vật chứng:* Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao lưỡi thép, cán gỗ dài khoảng 35 cm và 01 cây gỗ

tròn, đường kính khoảng 07cm, dài khoảng 1,2m, theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/12/2016 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an thành phố Nha Trang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

5. Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009. Bị cáo phải chịu **200.000** đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự và **4.750.000** đồng (Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Nha Trang;
- Công an thành phố Nha Trang;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS. TP. N;
- Lưu án văn, VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng